

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương
giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn
năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 32

Căn Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

*Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị
năm 2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022
quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ
chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai
đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025
và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương
giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm
2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới như các
phụ lục 01, 02, 03 kèm theo.

Các nội dung khác thực hiện theo các Nghị quyết: số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; số 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; số 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 và số 14/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./. *b*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, NN&MT;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND; UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- KBNN khu vực 11;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, P.CTHĐND (L).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang



Phụ lục 01
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NSTW GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/Đơn vị	KH 2021-2025 tại NQ 30/NQ- HĐND ngày 29/6/2022, 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	TỔNG CỘNG	432.890,0		3.950,0	428.940,0	
	Trong đó					
I	Hỗ trợ thực hiện các chương trình chuyên đề	42.730,0		3.950,0	38.780,0	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển KTTT-HTX giai đoạn 2022-2025	22.730,0		2.381,0	20.349,0	Quyết định số 864/QĐ- TTg ngày 05/5/2025
2	Các Chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	20.000,0		1.569,0	18.431,0	

Pa

✓



Phụ lục 02

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Kéo dài sang năm 2025 NSTW
CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	KH vốn kéo dài các năm sang năm 2025	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	KH vốn kéo dài các năm sang năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	5.405,250	5.405,250	5405,250	5.405,250	
1	Huyện Đakrông	296,401		296,401		
	Xã Ba Lòng		149,706		149,706	
	Xã Đakrông		50,895		50,895	
	Xã Hướng Hiệp		8,218		8,218	
	Xã La Lay		38,409		38,409	
	Xã Tà Rụt		49,173		49,173	
2	Huyện Gio Linh	1.012,376		1.012,376		
	Xã Bến Hải		48,018		48,018	
	Xã Cồn Tiên		45,643		45,643	
	Xã Cửa Việt		745,133		745,133	
	Xã Gio Linh		173,582		173,582	
3	Huyện Hải Lăng	2.299,693		2.299,693		
	Xã Diên Sanh		2.299,693		2.299,693	
4	Huyện Hướng Hóa	1.481,905		1481,905		
	Xã Khe Sanh		98,897		98,897	
	Xã Tân Lập		51,852		51,852	
	Xã Lao Bảo		1084,540		1.084,540	
	Xã Lìa		75,656		75,656	
	Xã A Dơi		68,915		68,915	
	Xã Hướng Phùng		39,896		39,896	
	Xã Hướng Lập		62,149		62,149	
5	Huyện Vĩnh Linh	197,780		197,780		
	Xã Vĩnh Thủy		180,256		180,256	
	Xã Vĩnh Hoàng		17,524		17,524	
6	Huyện Triệu Phong	29,097		29,097		
	Xã Triệu Bình		29,097		29,097	
7	Thị xã Quảng Trị	87,998		87,998		
	Phường Quảng Trị		87,998		87,998	

[Handwritten signature]

[Handwritten mark]



Phụ lục 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NSTW NĂM 2025 CHƯƠNG TRÌNH MTOC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục DA/TDA	Kế hoạch vốn 2025 tại các NQ số: 104/NQ-HĐND ngày 6/12/2024, 14/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	TỔNG CỘNG	93.970,0	89.439,0	89.439,0	93.970,0	
I	Cấp tỉnh	4.531,0	-	-	4.531,0	
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3.372,0			3.372,0	
2	Sở Khoa học và Công nghệ	659,0			659,0	
3	Chi cục Kinh tế hợp tác và Quản lý chất lượng	500,0			500,0	
II	Cấp xã	89.439,0	89.439,0	89.439,0	89.439,0	
1	Huyện Hướng Hóa	4.926,5	4.926,5	4.926,5	4.926,5	
	Xã Khe Sanh		892,9		892,9	
	Xã Tân Lập		1.785,8		1.785,8	
	Xã Hướng Phùng		462,0		462,0	
	Xã Lao Bảo		1.785,8		1.785,8	
2	Huyện Đakrông	5.578,3	5.578,3	5.578,3	5.578,3	
	Xã Hướng Hiệp		220,0		220,0	
	Xã Ba Lòng		5.358,3		5.358,3	
3	Huyện Triệu Phong	25.417,7	25.417,7	25.417,7	25.417,7	
	Xã Triệu Phong		2.285,8		2.285,8	
	Xã Ái Tử		3.003,7		3.003,7	
	Xã Triệu Bình		6.636,6		6.636,6	
	Xã Triệu Cơ		6.033,4		6.033,4	
	Xã Nam Cửa Việt		7.458,2		7.458,2	

2

82

4	Huyện Vĩnh Linh	13.242,7	13.242,7	13.242,7	13.242,7	
	Xã Vĩnh Linh		1.915,8		1.915,8	
	Xã Cửa Tùng		3.133,7		3.133,7	
	Xã Vĩnh Hoàng		4.053,6		4.053,6	
	Xã Vĩnh Thủy		3.246,7		3.246,7	
	Xã Bến Quan		892,9		892,9	
5	Huyện Hải Lăng	16.095,5	16.095,5	16.095,5	16.095,5	
	Xã Diên Sanh		2.515,8		2.515,8	
	Xã Mỹ Thủy		1.445,9		1.445,9	
	Xã Nam Hải Lăng		5.204,5		5.204,5	
	Xã Hải Lăng		2.678,7		2.678,7	
	Xã Vĩnh Định		4.250,6		4.250,6	
6	Huyện Gio Linh	17.035,1	17.035,1	17.035,1	17.035,1	
	Xã Gio Linh		5.357,4		5.357,4	
	Xã Cửa Việt		3.571,6		3.571,6	
	Xã Cồn Tiên		5.427,4		5.427,4	
	Xã Bến Hải		2.678,7		2.678,7	
7	TX Quảng Trị	892,9	892,9	892,9	892,9	
	Phường Quảng Trị		892,9		892,9	
8	Huyện Cam Lộ	6.250,3	6.250,3	6.250,3	6.250,3	
	Xã Cam Lộ		2.678,7		2.678,7	
	Xã Hiếu Giang		3.571,6		3.571,6	